

**BÁO CÁO**  
**Kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2019**  
**của thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

**1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội**

Thành phố Tuy Hòa có diện tích tự nhiên khoảng 107,3km<sup>2</sup>, dân số khoảng 202.030 người và 16 đơn vị hành chính trực thuộc (gồm 12 phường, 04 xã). Thành phố giáp huyện Tuy An ở phía Bắc, giáp huyện Phú Hòa và Sơn Hòa ở phía Tây, giáp huyện Đông Hòa ở phía Nam và giáp biển Đông ở phía Đông. Các tuyến giao thông huyết mạch Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 25, ĐT 645 nối liền thành phố Tuy Hòa với các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, khu vực Tây Nguyên, Bắc Bộ và Nam Bộ, tạo mối quan hệ kinh tế - xã hội bền chặt giữa thành phố với các tỉnh, thành phố trong khu vực trên cả nước. Cách trung tâm thành phố Tuy Hòa 05km về phía Nam, cảng hàng không Tuy Hòa với quy mô hiện đại được xây dựng trên diện tích gần 4000km<sup>2</sup>, khai thác 02 đường bay: thành phố Hồ Chí Minh – Tuy Hòa – thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội – Tuy Hòa – Hà Nội, công suất hoạt động đạt khoảng 100.000 khách/năm... đã tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố Tuy Hòa nói riêng, tỉnh Phú Yên nói chung.

Thành phố Tuy Hòa có cảnh quan thiên nhiên thơ mộng hữu tình với đường bờ biển dài trên 30km mang vẻ đẹp nguyên sơ, dòng sông Đà Rằng gò đầu lên thượng nguồn Tây Nguyên, đuôi uốn lượn giữa lòng thành phố và những cánh đồng màu mỡ. Bên cạnh đó, Tháp Nhạn, núi Chóp Chài hiện hữu như chứng tích huyền thoại về một mảnh đất Tuy Hòa trọng nghĩa, trọng tình. Với thế mạnh tự nhiên sẵn có cùng nhiều danh lam thắng cảnh nằm trong và lân cận địa bàn thành phố như: bãi biển Long Thủy, ..., các khu du lịch cao cấp, khu đô thị mới nằm ở các cửa ngõ thành phố: khu du lịch Đồi Thơm (phía Bắc), Khách sạn CenDeluxe và khu du lịch sinh thái Thuận Thảo (phía Tây), khu đô thị mới Nam sông Đà Rằng (phía Nam), thành phố Tuy Hòa có tiềm năng rất lớn để trở thành một thành phố du lịch, dịch vụ hấp dẫn. Bên cạnh sự ưu đãi của thiên nhiên thành phố Tuy Hòa còn là địa bàn có số lượng di tích văn hóa – lịch sử phong phú, lưu giữ nét đặc sắc văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Chăm-pa, phản ánh thời kỳ người Việt và người Hoa đến định cư, sinh sống... Trong đó, di tích kiến trúc nghệ thuật Tháp Nhạn (Phường 1) đã được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia (1996). Một số di tích tiêu biểu khác như: di tích khảo cổ bia

Chợ Dinh (Phường 1), di tích lịch sử - văn hóa nhà số 17 Phan Đình Phùng (Phường 1), di tích Chùa Bảo Tịnh (Phường 3), di tích đình và lẫm Phú Lâm (Phường Phú Lâm), Hội quán người Hoa (Phường 1), di tích Đình Ngọc Lãng (Xã Bình Ngọc)... Về lễ hội, đặc sắc nhất là Hội Bài chòi thường được nhân dân tổ chức vào dịp tết Nguyên Đán và lễ cúng Cầu Ngư (Phường 6, xã An Phú) gắn liền với tín ngưỡng nghề biển, cầu mưa thuận gió hòa, thuyền bè đi khơi về lộng an toàn và ngư dân được mùa đánh bắt bội thu.

Định hướng phát triển trong thời gian đến, thành phố Tuy Hòa tập trung phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị; kết hợp hài hòa, chặt chẽ và linh hoạt các nguồn lực; khai thác triệt để tiềm năng, lợi thế của địa phương về nông nghiệp, nuôi trồng và chế biến thủy sản, du lịch... Gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa – xã hội và bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác quốc phòng – an ninh, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất và đời sống. Đồng thời, chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ thành phố đến cơ sở; tiếp tục thực hiện tốt chính sách thu hút trí thức trẻ, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao. Minh bạch và đơn giản hóa thủ tục hành chính để tạo môi trường đầu tư thông thoáng, tạo sức hút đối với các nhà đầu tư. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy cao tinh thần dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phấn đấu đến năm 2025 đưa thành phố Tuy Hòa tiến lên đô thị loại I trực thuộc tỉnh Phú Yên.

Sản xuất nông nghiệp - thủy sản của Thành phố phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sạch gắn với bảo vệ môi trường: hiện chủ yếu là nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ít diện tích, ít gây ô nhiễm môi trường, sử dụng hoặc tái sử dụng các nguồn lực và chất thải đô thị...; với các loại cây trồng chủ yếu: rau xanh, cây ăn quả, hoa kiểng, nuôi trồng thủy sản....

## **2. Thuận lợi**

### **2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Với vị thế là Đô thị loại II, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh, vì vậy thành phố Tuy Hòa luôn được sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp và sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ tích cực của các sở, ngành tỉnh, đây là một trong yếu tố quan trọng cho sự phát triển của nông nghiệp - nông thôn nói riêng và mọi mặt của thành phố nói chung.

### **2.2. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên**

Tuy Hòa có vị trí địa lý kinh tế thuận lợi với khí hậu ôn hòa là điều kiện thuận lợi phát triển nông nghiệp của thành phố.

Tuy Hòa có dài bờ biển dài, hệ thống sông Đà Rằng, sông Chùa và sông Bơ qua địa bàn thành phố cung cấp một lượng nước, phù sa dồi dào tạo nên các

vùng sản xuất hoa, rau xanh cung cấp cho tỉnh, các khu vực lân cận và tạo cảnh quang cho thành phố phát triển mạnh về du lịch sinh thái.

Tài nguyên rừng: rừng trên địa bàn thành phố quy mô không lớn khoản 1.934,4 ha nhưng có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường, cảnh quan và đa dạng sinh học, phân bố chủ yếu ở vùng ven như xã Hòa kiến, Bình Kiến, An Phú.

### **2.3. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Dân số của thành phố đông chiếm 22,5% dân số toàn tỉnh (202.030/899.400 năm 2018), chủ yếu là dân tộc kinh nên thành phố có cả số lượng và chất lượng chung về nguồn nhân lực, thúc đẩy cho phát triển kinh tế, tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa rộng, lớn trên địa bàn.

Cơ cấu kinh tế hiện đại (công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp), Tuy Hòa có số lượng doanh nghiệp khá lớn (khoảng 1.184 doanh nghiệp), hoạt động trên tất cả các lĩnh vực; thu nhập dân cư cao hơn so các huyện, thị trong tỉnh; tạo nguồn lực hỗ trợ cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố. Thuận lợi tạo sự gắn kết giữa phát triển nông nghiệp - xây dựng nông thôn mới với các ngành kinh tế khác.

## **3. Khó khăn**

### **3.1. Nhận thức chung**

Thành phố Tuy Hòa đang trên đà phát triển lên thành phố loại I chú trọng phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp - thương mại dịch vụ, phát triển đô thị, lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tập trung phát triển theo hướng áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch nên còn gặp nhiều khó khăn.

### **3.2. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên**

Địa bàn các xã nông thôn không tập trung, mà nằm rải rác, xen giữa các phường; địa hình thành phố Tuy Hòa thấp, cao xen lẫn chịu tác động của thủy điện Sông Hinh nên cũng còn nhiều khu vực dễ ngập úng cục bộ về mùa mưa, hạn vào mùa khô.

Đất nông nghiệp của thành phố vừa chiếm tỷ trọng thấp vừa manh mún không tập trung; Đồng thời, một số diện tích đất lại là đất dự trữ phát triển đô thị, có xu hướng chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp, nên việc hình thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn khó khăn.

### **3.3. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Đô thị hóa và các khu công nghiệp phát triển, nên Thành phố đang phải chịu áp lực rất lớn về gia tăng dân số cơ học, về hạ tầng kinh tế xã hội, đặc biệt về hạ tầng xã hội (trường học, nhà ở, chăm sóc sức khỏe luôn tiềm ẩn nguy cơ quá tải), công tác bảo vệ môi trường, quản lý an ninh trật tự còn nhiều khó khăn ảnh hưởng một phần đến xây dựng nông thôn mới.

Lực lượng lao động nhiều nhưng phần lớn là lao động nhập cư từ nơi khác đến, một số ít lao động chưa qua đào tạo và có tay nghề thấp, khó khăn cho thành phố trong chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nguồn nhân lực chất lượng cao tuy được chú trọng đào tạo nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp theo yêu cầu phát triển của thành phố.

## **II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THÀNH PHỐ TUY HÒA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Các văn bản của Trung ương**

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, thành phố, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Tiêu chí thành phố nông thôn mới và Quy định thành phố, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí thành phố đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

### **2. Các văn bản của Tỉnh Phú Yên**